



TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Số: 62./CECO-KHTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.

- Mã chứng khoán: CEC

- Địa chỉ trụ sở chính: 21A Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 04.3845.5777.

- Fax: 04.3823.2325.

- Người thực hiện công bố thông tin: Trương Thị Minh Thu

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin về Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty CP thiết kế công nghiệp hóa chất

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử ceco.com.vn của công ty vào ngày 30/03/2018 tại đường dẫn Quan hệ Cổ đông/ Thông tin tài chính

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

(*) Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính hợp nhất 2017

Báo cáo tài chính riêng 2017

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trương Thị Minh Thu



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp
Hóa chất**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0100103520 ngày 13 tháng 3 năm 2018
Đăng ký Kinh doanh số

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 15 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100103520 ngày 13 tháng 3 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006.

Hội đồng Quản trị	Ông Đỗ Hiên Ngang	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
	Ông Đinh Đức Bộ	Ủy viên
	Ông Nguyễn Công Thắng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Ủy viên
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Dịu	Trưởng ban (từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)
	Bà Trương Thị Minh Thu	Trưởng ban (đến ngày 1 tháng 6 năm 2017)
	Bà Trần Thị Minh Trang	Thành viên
	Bà Trương Thị Minh Thu	Thành viên (từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)
	Ông Nguyễn Văn Bang	Thành viên (đến ngày 1 tháng 6 năm 2017)
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2018)
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2018)
	Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
	Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Giám đốc (đến ngày 28 tháng 2 năm 2018)
Trụ sở đăng ký	Số 21A, Phố Cát Linh Phường Cát Linh Quận Đống Đa, Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-389-HN



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2014-007-1

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		418.554.972.341	356.191.688.257
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	82.137.132.695	89.771.146.984
Tiền	111		32.137.132.695	26.540.096.984
Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	63.231.050.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		158.995.376.720	144.679.521.657
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7(a)	126.426.744.098	109.090.961.690
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.926.124.137	23.579.583.902
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	1.900.083.748	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.111.967.942
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	9.548.781.291	11.703.364.677
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.806.356.554)	(1.806.356.554)
Hàng tồn kho	140	11	177.288.174.975	120.533.512.938
Hàng tồn kho	141		177.407.631.124	120.652.969.087
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(119.456.149)	(119.456.149)
Tài sản ngắn hạn khác	150		134.287.951	1.207.506.678
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	725.293.011
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		134.287.951	482.213.667

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		28.843.492.687	30.429.692.491
Các khoản phải thu dài hạn	210		56.535.053	86.712.526
Phải thu dài hạn khác	216		56.535.053	86.712.526
Tài sản cố định	220		20.222.900.901	23.437.639.785
Tài sản cố định hữu hình	221	12	17.564.202.638	20.763.499.389
Nguyên giá	222		41.874.855.571	44.249.145.717
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.310.652.933)	(23.485.646.328)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.658.698.263	2.674.140.396
Nguyên giá	228		6.074.916.400	5.252.116.400
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.416.218.137)	(2.577.976.004)
Tài sản dở dang dài hạn	240	14	2.388.459.873	2.523.326.263
Xây dựng cơ bản dở dang	242		2.388.459.873	2.523.326.263
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	4.819.767.482	1.638.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		3.181.767.482	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.638.000.000	1.638.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.355.829.378	2.744.013.917
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.355.829.378	2.744.013.917
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		447.398.465.028	386.621.380.748

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		352.341.000.559	281.203.519.686
Nợ ngắn hạn	310		352.109.900.559	280.819.995.593
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	47.205.295.610	42.650.685.151
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	7(b)	251.794.159.804	189.791.307.501
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	3.313.654.739	4.069.412.442
Phải trả người lao động	314		3.615.715.752	7.636.641.078
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	20.110.100.601	21.448.651.127
Phải trả ngắn hạn khác	319		823.702.841	964.281.875
Vay ngắn hạn	320	19(a)	24.666.545.337	14.071.937.544
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		580.725.875	187.078.875
Nợ dài hạn	330		231.100.000	383.524.093
Vay dài hạn	338	19(b)	231.100.000	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	383.524.093
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	20	95.057.464.469	105.417.861.062
Vốn chủ sở hữu	410		94.862.423.469	104.885.328.062
Vốn cổ phần	411	21	59.770.360.000	59.770.360.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>59.770.360.000</i>	<i>59.770.360.000</i>
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	18.526.140.287	18.457.690.767
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.456.636.174	9.585.172.303
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>2.864.423.996</i>	<i>1.427.213.340</i>
- <i>(Lỗ)/LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>(407.787.822)</i>	<i>8.157.958.963</i>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		14.109.287.008	17.072.104.992
Nguồn kinh phí	430		195.041.000	532.533.000
Nguồn kinh phí	431	20	195.041.000	532.533.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		447.398.465.028	386.621.380.748

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Trần Ngọc Sơn
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Đức Bộ
 Kế toán trưởng



Nguyễn Công Thắng
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	130.848.779.559	258.513.896.387
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	30.545.500	850.429.594
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	130.818.234.059	257.663.466.793
Giá vốn hàng bán	11	26	110.968.508.724	201.596.177.679
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		19.849.725.335	56.067.289.114
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	3.240.466.760	1.768.866.374
Chi phí tài chính	22	28	1.663.464.479	1.479.754.751
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.392.100.603	724.723.839
Phần lãi trong công ty liên kết	24		88.856.485	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	21.841.587.399	45.583.511.189
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26}	30		(326.003.298)	10.772.889.548
Thu nhập khác	31	30	1.307.719.565	1.743.178.934
Chi phí khác	32		551.925.886	750.381.015
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		755.793.679	992.797.919
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		429.790.381	11.765.687.467
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	317.966.533	2.857.509.477
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		111.823.848	8.908.177.990

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang từ trang trước)	60		111.823.848	8.908.177.990
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		(477.787.822)	8.157.958.963
Cổ đông không kiểm soát	62		589.611.670	750.219.027
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(80)	2.199

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:


Trần Ngọc Sơn
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Đinh Đức Bộ
 Kế toán trưởng




Nguyễn Công Thắng
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		429.790.381	11.765.687.467
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.362.514.862	5.013.842.922
Các khoản dự phòng	03		-	(955.873.816)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(425.906.311)	663.591.943
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.858.834.200)	(2.045.402.818)
Chi phí lãi vay	06		1.392.100.603	724.723.839
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.899.665.335	15.166.569.537
Biến động các khoản phải thu	09		(31.247.770.838)	(23.328.047.746)
Biến động hàng tồn kho	10		(66.916.662.559)	(75.061.474.517)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		76.532.027.910	36.556.611.213
Biến động chi phí trả trước	12		1.366.870.694	(42.575.734)
			(16.365.869.458)	(46.708.917.247)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.482.408.365)	(788.513.863)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(996.908.371)	(3.002.200.824)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.140.500.000	532.533.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.108.216.093)	(554.567.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.812.902.287)	(50.521.665.934)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.477.441.140)	(13.050.403.675)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		343.554.009	1.286.363.641
Tiền chi cho vay	23		(4.200.000.000)	(6.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		-	4.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27		2.604.018.641	1.366.071.235
Giảm tiền do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết			(282.128.055)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.011.996.545)	(12.397.968.799)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	38.076.680.000
Tiền thu từ đi vay	33		51.510.748.845	24.777.969.310
Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.813.628.302)	(20.204.811.563)
Tiền trả cổ tức	36		(6.506.236.000)	(6.750.094.958)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.190.884.543	35.899.742.789
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(7.634.014.289)	(27.019.891.944)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		89.771.146.984	117.454.630.871
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(663.591.943)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	82.137.132.695	89.771.146.984

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Trần Ngọc Sơn
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Đức Bộ
 Kế toán trưởng

Nguyễn Công Thắng
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty và các công ty con trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng; xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; tư vấn xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; xử lý chất thải công nghiệp, đánh giá tác động môi trường; hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; xây dựng lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; lập đề án bảo vệ môi trường; lập bản cam kết bảo vệ môi trường; dịch vụ quan trắc môi trường; tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; và
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 4 công ty con (1/1/2017: 5 công ty con), 1 công ty liên kết (1/1/2017: Không), 1 văn phòng đại diện tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và 1 chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

Chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	Lĩnh vực hoạt động	Lợi ích và quyền biểu quyết	
		31/12/2017	1/1/2017
Công ty con			
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất	55,33%	55,33%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Xây dựng ngành hóa chất	51%	51%
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (*)	Sản xuất, gia công cơ khí và xây dựng ngành hóa chất	-	51%
Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất (**)	Tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư xây dựng ngành hóa chất	100%	100%
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học và dịch vụ khoa học công nghệ	100%	100%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (*)	Sản xuất, gia công cơ khí và xây dựng ngành hóa chất	36,43%	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty và các công ty con có 228 nhân viên (1/1/2017: 343 nhân viên).

(*) Trong năm 2017, Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (“CECO Hà Nội”) đã phát hành tăng vốn điều lệ. Công ty đã không thực hiện quyền mua đối với phần phát hành tăng vốn tại CECO Hà Nội mà Công ty được mua. Do đó từ ngày 26 tháng 9 năm 2017, tỉ lệ sở hữu của Công ty tại CECO Hà Nội giảm từ 51% xuống còn 36,43%, và CECO Hà Nội trở thành công ty liên kết của Công ty.

(**) Theo Quyết định số 121/QĐ-CECO ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã tiến hành các thủ tục giải thể Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất (“CPMC”) theo đó, Công ty sẽ kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ về tài sản, hợp đồng và các khoản nợ sau khi CPMC giải thể. Tại ngày phát hành báo cáo này, các thủ tục giải thể CPMC chưa hoàn thành.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Khấu hao của quyền sử dụng đất có thời hạn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 41 năm. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên giá trị khối lượng đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu hoặc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; và
- Các hoạt động khác.

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Năm kết thúc ngày 31/12/2017				
Tổng doanh thu của bộ phận	151.028.147.937	5.210.859.528	(25.420.773.406)	130.818.234.059
Kết quả kinh doanh của bộ phận	17.222.435.302	2.657.290.033	(30.000.000)	19.849.725.335
Chi phí không phân bổ				(20.264.585.118)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh				(414.859.783)
Thu nhập khác				1.307.719.565
Chi phí khác				(551.925.886)
Phần chia lợi nhuận của công ty liên kết				88.856.485
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(317.966.533)
Lợi nhuận thuần sau thuế				111.823.848

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Năm kết thúc ngày 31/12/2016				
Tổng doanh thu của bộ phận	313.503.991.520	17.191.139.278	(73.031.664.005)	257.663.466.793
Kết quả kinh doanh của bộ phận	52.955.654.805	3.088.907.041	22.727.268	56.067.289.114
Chi phí không phân bổ				(45.294.399.566)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh				10.772.889.548
Thu nhập khác				1.743.178.934
Chi phí khác				(750.381.015)
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(2.857.509.477)
Lợi nhuận thuần sau thuế				8.908.177.990

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
31/12/2017				
Tài sản của bộ phận	308.417.910.287	18.419.677.717	(29.144.299.373)	297.693.288.631
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	3.181.767.482	-	-	3.181.767.482
Tài sản không phân bổ				146.523.408.915
Tổng tài sản				447.398.465.028
Nợ phải trả của bộ phận	299.265.028.064	2.993.283.477	(9.854.778.614)	292.403.532.927
Nợ phải trả không phân bổ				59.937.467.632
Tổng nợ phải trả				352.341.000.559
Năm kết thúc ngày 31/12/2017				
Chi tiêu vốn				4.477.441.140
Khấu hao tài sản cố định hữu hình				4.524.272.729
Khấu hao tài sản cố định vô hình			-	838.242.133

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
1/1/2017				
Tài sản của bộ phận	292.021.891.602	37.513.667.250	(90.072.827.860)	239.462.730.992
Tài sản không phân bổ				147.158.649.756
Tổng tài sản				386.621.380.748
Nợ phải trả của bộ phận	281.020.366.756	13.912.190.724	(67.205.602.716)	227.726.954.764
Nợ phải trả không phân bổ				53.476.564.922
Tổng nợ phải trả				281.203.519.686
Năm kết thúc ngày 31/12/2016				
Chi tiêu vốn				13.050.403.675
Khấu hao tài sản cố định hữu hình				4.124.610.603
Khấu hao tài sản cố định vô hình				889.232.319

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam
- Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

	Việt Nam		Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào		Hợp nhất	
	Tại ngày và cho năm kết thúc ngày		Tại ngày và cho năm kết thúc ngày		Tại ngày và cho năm kết thúc ngày	
	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu của bộ phận	130.818.234.059	123.245.572.822	-	134.417.893.971	130.818.234.059	257.663.466.793
Tài sản của bộ phận	179.458.335.304	142.031.609.731	147.302.164.055	87.712.321.046	326.760.499.359	229.743.930.777
Tài sản không phân bổ					120.637.965.669	156.877.449.971
Chi tiêu vốn					4.477.441.140	13.050.403.675

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các giao dịch quan trọng

Trong năm 2017, Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (“CECO Hà Nội”) đã phát hành tăng vốn điều lệ. Công ty đã không thực hiện quyền mua đối với phần phát hành tăng vốn tại CECO Hà Nội mà Công ty được mua. Do đó, từ ngày 26 tháng 9 năm 2017, tỉ lệ sở hữu của Công ty tại CECO Hà Nội giảm từ 51% xuống còn 36,43%, và CECO Hà Nội trở thành công ty liên kết của Công ty.

Các giao dịch có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Công ty tại CECO Hà Nội tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

**Giá trị ghi sổ tại thời điểm
mất quyền kiểm soát
VND**

Tiền và các khoản tương đương tiền	282.128.055
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.797.102.087
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.476.096.500
Phải thu ngắn hạn khác	1.631.751.353
Hàng tồn kho	10.162.000.522
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	506.369.446
Tài sản cố định hữu hình - Nguyên giá	2.416.600.000
Tài sản cố định hữu hình - Giá trị hao mòn lũy kế	(111.834.247)
Chi phí trả trước dài hạn	73.484.709
Phải trả người bán ngắn hạn	(2.598.927.334)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(4.960.158.150)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(16.700.003)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(2.329.443.750)
Phải trả ngắn hạn khác	(306.000.000)
Vay ngắn hạn	(13.871.412.750)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(60.712.525)

Tài sản thuần	6.090.343.913
---------------	---------------

Ghi giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con	(2.984.268.517)
--	-----------------

Phần tài sản thuần thuộc công ty tại ngày mất quyền kiểm soát	3.106.075.396
---	---------------

Vốn góp	3.060.000.000
---------	---------------

Thay đổi giá trị khoản đầu tư vào Công ty con do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết	46.075.396
---	------------

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	3.149.848.166	3.148.844.631
Tiền gửi ngân hàng	28.987.284.529	23.391.252.353
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	63.231.050.000
	82.137.132.695	89.771.146.984

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần DAP số 2	37.604.285.732	33.786.740.026
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	3.890.562.302
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	92.934.000	3.343.442.180
<i>Bên khác</i>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	17.678.099.580	-
Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	13.914.852.000	20.450.817.500
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	26.822.554.816	17.031.831.930
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	7.204.091.085	7.910.780.790
Công ty Cổ phần Cơ khí Thái Bào Long	4.515.102.429	5.815.102.429
Các khách hàng khác	14.704.262.154	16.861.684.533
	126.426.744.098	109.090.961.690

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào – công ty liên quan	178.887.028.173	178.887.028.173
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	65.272.983.064	-
Các khách hàng khác	7.634.148.567	10.904.279.328
	251.794.159.804	189.791.307.501

8. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	19.221.769.801	-
Lợi nhuận ước tính	1.049.040.159	-
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	20.270.809.960	-
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(18.370.726.212)	-
	1.900.083.748	-

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tạm ứng cho nhân viên	8.686.328.360	11.164.103.126
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của người lao động	93.405.448	38.983.000
Phải thu bảo hiểm xã hội	54.270.395	82.160.869
Kí cược, kí quỹ	10.000.000	91.110.252
Phải thu khác	704.777.088	327.007.430
	9.548.781.291	11.703.364.677

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

		31/12/2017					1/1/2017		
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn									
Công ty TNHH									
Hóa Mỹ Phẩm Hòa Hợp	Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-		Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-
Công ty Cổ phần									
Phân lân Nung chảy									
Lào Cai	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-		Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-
Khác	Trên 3 năm	466.079.554	(466.079.554)	-		Trên 3 năm	466.079.554	(466.079.554)	-
		<u>1.806.356.554</u>	<u>(1.806.356.554)</u>	<u>-</u>			<u>1.806.356.554</u>	<u>(1.806.356.554)</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>									
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(1.806.356.554)</u>					<u>(1.806.356.554)</u>	

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	880.615.892	-	992.106.244	-
Công cụ và dụng cụ	89.003.573	-	73.102.839	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	176.409.950.417	(119.456.149)	119.551.795.735	(119.456.149)
Hàng hóa	28.061.242	-	35.964.269	-
	177.407.631.124	(119.456.149)	120.652.969.087	(119.456.149)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 319 triệu VND (1/1/2017: 319 triệu VND) chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án Khai thác và Chế biến muối mỏ tại Huyện Nongbok, Tỉnh Khammuane, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ("Dự án Muối Lào") (*)	147.302.164.055	87.712.321.046
Dự án xây dựng Nhà máy DAP 2	7.604.610.034	9.232.548.117
Dự án khác	21.503.176.328	22.606.926.572
	176.409.950.417	119.551.795.735

- (*) Theo Thông báo số VLCS(H)/TTCL(H)-L-4145 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Công ty TNHH Hoá chất và Muối mỏ Việt Lào ("VILACHEMSALT") – đại diện chủ đầu tư Dự án Muối Lào thực hiện theo yêu cầu tại văn bản số 1169/HCVN-ĐT XD ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn Hoá chất Việt Nam, VILACHEMSALT thông báo tạm ngừng thực hiện Dự án Muối Lào theo quy định của hợp đồng.

Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty đang tiếp tục làm việc với VILACHEMSALT để đàm phán về phương án tiếp tục hoặc chấm dứt thực hiện Dự án Muối Lào.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.107.417.235	12.547.227.650	2.698.143.164	12.896.357.668	44.249.145.717
Tăng trong năm	-	-	626.252.091	2.346.600.000	2.972.852.091
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	764.484.575	-	-	764.484.575
Thanh lý	-	(2.491.171.679)	(282.414.818)	(991.440.315)	(3.765.026.812)
Giảm do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết	-	-	-	(2.416.600.000)	(2.416.600.000)
Biến động khác	-	-	-	70.000.000	70.000.000
Số dư cuối năm	16.107.417.235	10.820.540.546	3.041.980.437	11.904.917.353	41.874.855.571
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.803.990.159	6.313.406.049	975.767.744	7.392.482.376	23.485.646.328
Khấu hao trong năm	917.473.250	1.538.383.065	484.328.144	1.584.088.270	4.524.272.729
Thanh lý	-	(2.488.039.843)	(107.951.719)	(991.440.315)	(3.587.431.877)
Giảm do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết	-	-	-	(111.834.247)	(111.834.247)
Số dư cuối năm	9.721.463.409	5.363.749.271	1.352.144.169	7.873.296.084	24.310.652.933
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7.303.427.076	6.233.821.601	1.722.375.420	5.503.875.292	20.763.499.389
Số dư cuối năm	6.385.953.826	5.456.791.275	1.689.836.268	4.031.621.269	17.564.202.638

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản cố nguyên giá 11.603 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 9.095 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 11.342 triệu VND (1/1/2017: 8.655 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/IT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy-vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.658.166.400	3.593.950.000	5.252.116.400
Tăng trong năm	-	822.800.000	822.800.000
Số dư cuối năm	1.658.166.400	4.416.750.000	6.074.916.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	111.218.481	2.466.757.523	2.577.976.004
Khấu hao trong năm	40.443.084	797.799.049	838.242.133
Số dư cuối năm	151.661.565	3.264.556.572	3.416.218.137
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.546.947.919	1.127.192.477	2.674.140.396
Số dư cuối năm	1.506.504.835	1.152.193.428	2.658.698.263

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 1.507 triệu VND (1/1/2017: 1.546 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 19).

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	2.523.326.263	25.571.626
Tăng trong năm	681.789.049	3.905.208.054
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(764.484.575)	(655.100.472)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(52.170.864)	(752.352.945)
Số dư cuối năm	2.388.459.873	2.523.326.263

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 phản ánh giá trị máy móc chưa được lắp đặt xong.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

31/12/2017							1/1/2017					
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc/Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc/Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư góp vốn vào:												
▪ Công ty liên kết												
	Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (**)	Hà Nội, Việt Nam	306.000	36.43%	36.43%	3.181.767.482	(*)	-	-	-	(*)	
▪ Đơn vị khác												
	Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Tây Ninh, Việt Nam	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	(*)	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	(*)
						4.819.767.482						

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và nhà cung cấp là các bên liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	12.210.997.067	-
Công ty Cổ phần DAP Số 2 – Vinachem	304.000.000	304.000.000
<i>Bên khác</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nga Sơn	11.600.632.500	11.600.632.500
Tổng Công ty 36	-	6.517.497.205
Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Bắc	-	4.158.000.000
Công ty Cổ phần Nhật Nam	-	2.170.593.816
Công ty MITCO	-	2.095.585.000
K-UTEC AG Salt Technologies	10.382.465.808	-
Các nhà cung cấp khác	12.707.200.235	15.804.376.630
	47.205.295.610	42.650.685.151

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được khấu trừ trong năm VND	Giảm do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.573.902.323	16.087.363.749	(10.078.038.023)	(6.017.547.314)	-	2.565.680.735
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.353.050.977	317.966.533	(996.908.371)	-	(3)	674.109.136
Thuế thu nhập cá nhân	127.846.195	782.139.785	(834.034.059)	-	(16.700.000)	59.251.921
Các loại thuế khác	14.612.947	9.000.000	(9.000.000)	-	-	14.612.947
	4.069.412.442	17.196.470.067	(11.917.980.453)	(6.017.547.314)	(16.700.003)	3.313.654.739

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trích trước chi phí các công trình	19.323.457.394	20.379.419.457
- Dự án Đạm Cà Mau	14.543.625.438	-
- Dự án Muối mỏ Việt Lào	-	5.505.446.820
- Dự án DAP số 2	3.178.531.700	3.178.531.700
- Các dự án khác	1.601.300.256	11.695.440.937
Trích trước chi phí lãi vay	203.718.765	294.026.527
Trích trước khác	582.924.442	775.205.143
	20.110.100.601	21.448.651.127

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Biến động trong năm Giảm do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết VND	31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	14.071.937.544	51.106.308.845	(26.813.628.302)	(13.871.412.750)	24.493.205.337
Vay dài hạn đến hạn trả	-	173.340.000	-	-	173.340.000
	14.071.937.544	51.279.648.845	(26.813.628.302)	(13.871.412.750)	24.666.545.337

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đồng Nai (*)	VND	7,5%	7.997.994.587	5.991.937.544
Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Hoàn Kiếm (**)	VND	8% - 8,4%	8.012.390.750	-
Vay cá nhân (***)	VND	9,5%	8.482.820.000	8.080.000.000
			24.493.205.337	14.071.937.544

(*) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 1.507 triệu VND (1/1/2017: 1.546 triệu VND) (Thuyết minh 13) và tài sản cố định có giá trị còn lại là 10.780 triệu VND (1/1/2017: 8.655 triệu VND) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 12).

(**) Khoản vay này được đảm bảo bởi bất động sản thuộc quyền sở hữu cá nhân của Giám đốc Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam.

(***) Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Hoàn Kiếm	VND	9,1%	2020	404.440.000	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(173.340.000)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				231.100.000	-

Khoản vay từ ngân hàng còn hạn mức được đảm bảo bởi một số tài sản cố định có giá trị còn lại là 562 triệu VND (1/1/2017: Không) (Thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Nguồn kinh phí VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	29.885.180.000	14.121.683.888	11.711.805.410	8.918.815.594	-	64.637.484.892
Phát hành cổ phiếu trong năm	29.885.180.000	-	-	8.191.500.000	-	38.076.680.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	8.157.958.963	750.219.027	-	8.908.177.990
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	532.533.000	532.533.000
Phân bổ vào các quỹ	-	4.336.006.879	(4.336.006.879)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(15.365.483)	-	(15.365.483)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	28.445.621	-	-	28.445.621
Cổ tức	-	-	(5.977.030.812)	(773.064.146)	-	(6.750.094.958)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	59.770.360.000	18.457.690.767	9.585.172.303	17.072.104.992	532.533.000	105.417.861.062
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	(477.787.822)	589.611.670	-	111.823.848
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	1.140.500.000	1.140.500.000
Sử dụng nguồn kinh phí được cấp	-	-	-	-	(1.477.992.000)	(1.477.992.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	85.295.945	(85.295.945)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(662.098.388)	(38.961.137)	-	(701.059.525)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(5.977.036.000)	(529.200.000)	-	(6.506.236.000)
Biến động do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết	-	(16.846.425)	3.682.026	(2.984.268.517)	-	(2.997.432.916)
Biến động khác	-	-	70.000.000	-	-	70.000.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	59.770.360.000	18.526.140.287	2.456.636.174	14.109.287.008	195.041.000	95.057.464.469

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần đã được duyệt và phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	59.770.360.000	5.977.036	59.770.360.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	59.770.360.000	5.977.036	59.770.360.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn cổ phần đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp tại ngày 31/12/2017 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	29,91%	17.874.920.000
Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	24,86%	14.858.820.000
Cổ đông cá nhân	1.011.026	16,92%	10.110.260.000
Các cổ đông khác	1.692.636	28,31%	16.926.360.000
	5.977.036	100,00%	59.770.360.000

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 khoản cổ tức 5.977 triệu VND (2016: 5.977 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/IT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	8.572	194.639.182	8.601	195.182.686
LAK	100	280	2.949.600.000	7.226.520.000
EUR	390	10.638.772	496.487	11.842.201.007
		205.278.234		19.263.903.693

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	109.709.088.412	206.234.439.487
▪ Hoạt động tư vấn thiết kế	15.898.286.119	35.120.227.622
▪ Bán hàng	2.930.573.632	12.450.979.780
▪ Doanh thu khác	2.310.831.396	4.708.249.498
	130.848.779.559	258.513.896.387
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(30.545.500)	(850.429.594)
Doanh thu thuần	130.818.234.059	257.663.466.793

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	97.511.045.639	172.527.091.531
Hoạt động tư vấn thiết kế	10.903.893.590	14.966.853.911
Hoạt động bán hàng	651.782.295	11.375.071.302
Hoạt động khác	1.901.787.200	2.727.160.935
	110.968.508.724	201.596.177.679

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	2.604.018.641	1.478.039.177
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	290.827.197
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	636.327.119	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	121.000	-
	3.240.466.760	1.768.866.374

28. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	1.392.100.603	724.723.839
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.522.246	85.453.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	210.420.808	663.591.943
Chi phí tài chính khác	12.420.822	5.985.169
	1.663.464.479	1.479.754.751

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lương	4.740.513.015	23.494.109.274
Chi phí đồ dùng văn phòng	857.507.126	348.899.747
Chi phí khấu hao	2.176.934.288	2.025.450.179
Thuế, phí và lệ phí	834.973.419	862.218.850
Xóa sổ khoản tạm ứng và phải thu từ cán bộ, nhân viên	-	1.195.213.070
Chi phí bảo hiểm	1.021.357.967	731.089.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.210.301.584	16.926.530.617
	21.841.587.399	45.583.511.189

30. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	165.959.074	567.363.641
Khoản phải trả nhà cung cấp được xóa nợ	-	416.231.410
Khác	1.141.760.491	759.583.883
	1.307.719.565	1.743.178.934

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	122.537.680.338	200.706.762.588
Chi phí nhân công	42.046.735.815	77.442.192.241
Chi phí khấu hao	5.362.514.862	5.013.842.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.836.640.275	34.518.492.875
Chi phí khác	5.046.680.037	4.024.520.639

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	429.790.381	11.765.687.467
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	85.958.076	2.353.137.493
Chi phí không được khấu trừ thuế	92.113.647	504.371.984
Ảnh hưởng do các bút toán hợp nhất	(17.771.297)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	182.930.073	-
Lỗi tính thuế sử dụng	(25.263.966)	-
	317.966.533	2.857.509.477

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(477.787.822)	8.157.958.963
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	<u>(477.787.822)</u>	<u>8.157.958.963</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty và các công ty con chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty và các công ty con trích thêm quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	5.977.036	2.988.518
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 4 tháng 10 năm 2016	-	720.519
	<u>5.977.036</u>	<u>3.709.037</u>

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam – Cổ đông lớn		
Cổ tức	1.787.492.000	3.718.695.300
Các công ty con và công ty liên kết của cổ đông lớn		
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng		
Cung cấp dịch vụ	-	360.000.000
Công ty Cổ phần DAP số 2		
Cung cấp dịch vụ	3.721.768.824	-
Mua hàng hóa	-	276.363.636
Công ty Cổ phần Hoi kỹ nghệ Que hàn		
Mua hàng hóa	-	226.339.000
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	134.838.034.460
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao		
Cung cấp dịch vụ	445.000.000	2.614.553.844
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc		
Cung cấp dịch vụ	-	825.083.093
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì		
Cung cấp dịch vụ	-	986.228.182
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển		
Cung cấp dịch vụ	69.470.909	5.337.256.363
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	951.535.455	2.867.802.728
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix		
Cung cấp dịch vụ	42.965.000	2.130.403.000
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền		
Cung cấp dịch vụ	-	100.000.000
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	340.909.091	409.090.909

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	-	530.000.000
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	882.313.023	1.341.974.914
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền thù lao	240.000.000	240.000.000

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Bù trừ gốc vay phải thu và khoản phải trả	6.311.967.942	-

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:

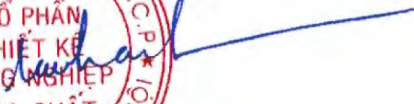


Trần Ngọc Sơn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng




Nguyễn Công Thắng
Giám đốc